

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008



CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Hải Minh (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Hải Minh là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000801 ngày 24 tháng 1 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần 9 ngày 14 tháng 4 năm 2008.

Trụ sở Công ty được đặt tại 57-59, đường Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các chức năng kinh doanh chủ yếu sau:

Sản xuất mua bán máy móc thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp. Mua bán xe chuyên dùng. Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng. Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh. Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ-đường sông-đường biển. Đại lý tàu biển. Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển. Kinh doanh vận tải đa phương thức. Đại lý hàng hải. Môi giới hàng hải. Đại lý vận tải đường hàng không. Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy-đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). đầu tư và khai thác cảng. Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp. Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2008 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Phùng Văn Quang	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Mỹ Hải	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Thành Chương	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên Hội đồng quản trị

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm 2008 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Thành Chương	Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Hưng	Kế toán trưởng

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Các số liệu về tình hình kinh doanh trong năm 2008 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản bảo đảm nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo này.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

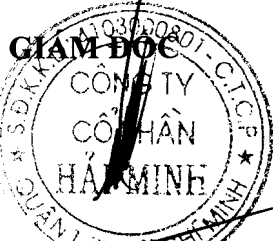
5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm cho Công ty.

6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực / Chế độ kế toán Việt Nam.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2009



NGUYỄN THÀNH CHƯƠNG

Số: 09.303 /BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Hải Minh (dưới đây gọi tắt là Công ty). Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã không kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Tiếp vận Hoàng Nam. Báo cáo này đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Ý kiến của chúng tôi trong chừng mực có liên quan đến số liệu hợp nhất của công ty trên, được căn cứ hoàn toàn vào báo cáo của kiểm toán viên khác.

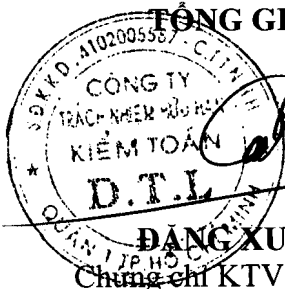
Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi và các báo cáo của các kiểm toán viên khác đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, dựa vào cuộc kiểm toán của chúng tôi và báo cáo của kiểm toán viên khác, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hải Minh vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẶNG XUÂN CẢNH
Chứng chỉ KTV số Đ.0067/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

BÙI VĂN BÔNG
Chứng chỉ KTV số 0177/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		46.995.680.302	37.294.276.156
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110		7.277.534.304	20.424.982.940
1. Tiền	111	5.1	5.777.534.304	11.424.982.940
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	9.000.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		4.964.510.000	1.884.500.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.671.080.000	1.884.500.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(706.570.000)	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		32.240.255.812	12.957.155.438
1. Phải thu khách hàng	131		18.421.555.475	12.245.235.275
2. Trả trước cho người bán	132		165.472.433	242.053.000
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	13.653.227.904	469.867.163
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	5.3	265.534.500	265.534.500
1. Hàng tồn kho	141		265.534.500	265.534.500
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		2.247.845.686	1.762.103.278
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		182.926.955	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		73.957.395	349.886.870
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		180.917.592	27.292.212
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	1.810.043.744	1.384.924.196

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		89.114.033.973	67.579.340.037
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		50.405.417.476	38.763.399.296
1. TSCĐ hữu hình	221	5.5	49.275.500.807	35.946.219.527
+ Nguyên giá	222		63.532.284.910	43.572.197.054
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.256.784.103)	(7.625.977.527)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.6	1.129.916.669	1.825.989.769
+ Nguyên giá	228		1.137.000.000	2.102.588.314
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.083.331)	(276.598.445)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	991.190.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		31.433.331.567	21.693.933.740
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.7	30.233.331.567	17.293.933.740
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.8	1.200.000.000	4.400.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Lợi thế thương mại	260	5.9	5.939.431.042	6.681.859.922
VI. Tài sản dài hạn khác	270		1.335.853.888	440.147.079
1. Chi phí trả trước dài hạn	271		1.149.437.888	253.731.079
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	278		186.416.000	186.416.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		136.109.714.275	104.873.616.193

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		11.575.172.650	14.855.403.891
I. Nợ ngắn hạn	310		10.301.741.051	5.148.803.738
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		1.705.504.216	1.685.264.400
2. Phải trả người bán	312		6.052.234.526	1.433.008.234
3. Người mua trả tiền trước	313		-	176.120.508
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	1.170.990.822	1.214.614.434
5. Phải trả người lao động	315		13.088.297	256.406.323
6. Chi phí phải trả	316		-	226.787.379
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.359.923.190	156.602.460
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.273.431.599	9.706.600.153
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		70.811.664	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.11	992.991.882	9.499.532.100
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		209.628.053	207.068.053
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		121.288.311.936	85.955.512.247
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.12	120.420.194.573	85.486.860.463
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		56.163.800.000	49.330.740.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.339.670.000	19.339.670.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.450.194.555	1.182.424.655
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		609.031.569	240.782.102
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		42.217.400	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		42.815.281.049	15.393.243.706
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		868.117.363	468.651.784
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		868.117.363	468.651.784
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		3.246.229.689	4.062.700.055
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		136.109.714.275	104.873.616.193

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ các loại	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THẾ HƯNG



NGUYỄN THÀNH CHƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. min	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	104.411.345.956	82.080.611.453
2. Các khoản giảm trừ	02		31.831.380	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		104.379.514.576	82.080.611.453
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	86.912.669.001	63.713.611.390
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.466.845.575	18.367.000.063
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.321.965.526	904.041.869
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.861.290.701	1.957.629.378
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		529.682.198	418.917.418
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.566.382.683	6.762.784.243
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.361.137.717	10.550.628.311
11. Thu nhập khác	31		2.547.370.899	678.988.496
12. Chi phí khác	32		13.249.647	594.665.200
13. Lợi nhuận khác	40		2.534.121.252	84.323.296
14. Phần lợi nhuận loặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50		21.721.710.947	13.160.973.801
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		35.616.969.916	23.795.925.408
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		2.214.753.192	2.511.261.083
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		33.402.216.724	21.284.664.325
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		749.229.877	775.202.932
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		32.652.986.847	20.509.461.393
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	5.12	5.657	6.139

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THẾ HƯNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2009

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THÀNH CHƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương gián tiếp)

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	35.616.969.916	23.795.925.408
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.982.798.521	4.722.843.438
Các khoản dự phòng	03	714.570.000	23.550.000
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	358.571.412
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(24.248.649.826)	(13.059.239.416)
Chi phí lãi vay	06	529.682.198	1.297.452.418
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	17.595.370.809	17.139.103.260
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(5.415.214.832)	(3.750.751.943)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	(265.534.500)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	3.474.748.497	(4.384.644.663)
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(507.035.740)	(226.492.362)
Tiền lãi vay đã trả	13	(529.682.198)	(1.297.452.418)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.908.158.332)	(2.541.525.460)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	468.044.895	24.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.574.439.297)	(341.800.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	8.603.633.802	4.354.901.514
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(16.576.218.748)	(18.857.845.500)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(7.984.500.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(27.748.580.000)	(3.902.030.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	28.862.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.462.798.748)	(30.744.375.500)

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương gián tiếp)

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	6.833.060.000	39.455.240.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	7.398.267.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(9.262.955.090)	(3.749.394.070)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.858.388.600)	(8.029.764.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.288.283.690)	35.074.348.430
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(13.147.448.636)	8.684.874.444
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	20.424.982.940	11.825.940.938
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(85.832.442)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	7.277.534.304	20.424.982.940

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỂ HƯNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2009



NGUYỄN THÀNH CHƯƠNG